

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

TUẦN 8

TRAU DÒI VỐN TỪ

I. Tìm hiểu bài: (SGK-99, 100)

1. Rèn luyện để nắm nghĩa của từ và cách dùng từ:

* **VD 1:** Khẳng định Tiếng Việt chúng ta giàu đẹp, phong phú, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp, diễn đạt của người Việt.

-> Cần phát huy hết khả năng của Tiếng Việt, không ngừng trau dồi vốn từ và sử dụng vốn từ 1 cách nhuần nhuyễn, đúng...

* **VD2:** Sửa lỗi diễn đạt:

Lỗi sai dùng từ:

a: Thừa từ “**đẹp**”

b: Dùng từ sai: “**dự đoán**”

c: Dùng từ sai: “**đẩy mạnh**”

Sửa lại:

a. Bỏ từ “**đẹp**”.

b. Thay từ: **phỏng đoán, ước đoán ...**

c. Thay bằng từ: **mở rộng, thu hẹp,..**

⇒ Muốn sử dụng tốt từ Tiếng Việt phải trau dồi vốn từ cần hiểu đầy đủ và chính xác nghĩa của từ, biết cách dùng từ cho đúng nghĩa và phù hợp với văn cảnh.

2. Rèn luyện để tăng vốn từ:

VD: (SGK-100)

=> Phải thường xuyên trau dồi vốn từ bằng cách tích lũy thêm những yếu tố cấu tạo từ chưa biết, làm phong phú vốn từ của bản thân.

II. Ghi nhớ: (SGK / 100,101)

III. Luyện tập: (SGK / 101,102,103)

Tiết

TỔNG KẾT TỪ VỰNG

A. Lí thuyết:

I. Từ đơn và từ phức: (xét về đặc điểm cấu tạo)

1. Từ đơn là từ do 1 tiếng có nghĩa tạo thành.

Ví dụ: hoa, quả, nhà, cửa ...

2. Từ phức: Do 2 hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức gồm: Từ ghép và từ láy

* Từ ghép: ghép các tiếng có nghĩa với nhau. Trong từ ghép có ghép chính phụ và ghép đẳng lập.

+ Ghép đẳng lập: Là từ ghép trong đó các từ tố bình đẳng với nhau về ngữ pháp, không có từ tố chính, không có từ tố phụ.

+ Ghép chính phụ: Là từ ghép trong đó các từ tố không bình đẳng với nhau về ngữ pháp, có từ tố chính và từ tố phụ.

+ Về mặt trật tự từ: Từ tố chính đứng trước, Từ tố phụ đứng sau.

* Từ láy: có sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng.

- Căn cứ vào phụ âm đầu và phần vần, người ta chia từ láy ra làm 2 loại:

+ Láy bộ phận .

+ Láy toàn bộ.

II. Thành ngữ:

- Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

- Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa bóng. Nhiều thành ngữ tiêu biểu trong Tiếng Việt thường có cấu tạo đối xứng.

Ví dụ: Trèo cao ngã đau; Giấu đầu hở đuôi; Ăn trên ngồi trốc

Thành ngữ	Tục ngữ
+ Hình thức : Là câu nói dân gian có tính chất ổn định, có vần và nhịp điệu.	+ Hình thức : Là câu nói dân gian, có vần và nhịp điệu.
+ Chỉ có tính chất định danh để gọi	+ Tục ngữ là một phán đoán, một

tên sự vật, nêu ra một đặc điểm nào đó -> tương đương với từ và cụm từ. + Sử dụng: Phải luôn kết hợp với tiền tố và hậu tố khác. VD : Anh ta đen như cột nhà cháy. + Thường là một ngữ cố định biểu thị khái niệm.	câu mang nghĩa trọn vẹn, nó không phải là cụm từ cho dù số chữ của nó bằng thành ngữ. + Sử dụng: Tục ngữ chỉ cần nói độc lập. VD: Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. + Biểu thị một phán đoán về kinh nghiệm trong đời sống.
--	---

III. Nghĩa của từ:

- Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.
- Trong sử dụng từ ngữ, nghĩa đóng vai trò rất quan trọng. Do hiện tượng nhiều nghĩa mà nghĩa của từ rất đa dạng, phức tạp. Muốn hiểu đúng nghĩa của từ phải đặt trong câu cụ thể. Khi ở trong câu, do sự kết hợp giữa các từ mà mỗi từ được hiểu theo 1 nghĩa duy nhất.

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:

- Từ nhiều nghĩa là từ có từ 2 nghĩa trở lên.
VD: mắt người, mắt na, mắt dứa, mắt tre,...

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ là quá trình mở rộng của từ, hiện tượng đổi nghĩa từ (Nghĩa đen- nghĩa bóng -> nghĩa gốc - nghĩa chuyển)

V. Từ đồng âm:

Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau.

VI. Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm:

- Trong từ đồng âm, nghĩa của các từ hoàn toàn khác nhau, không có mối liên hệ gì với nhau.
- Trong từ nhiều nghĩa: các ý nghĩa khác nhau của từ có sự liên hệ với nhau.
Ví dụ: Từ “ đầu” trong các trường hợp: đi đầu, đầu bài, đầu súng....đều có liên quan đến nghĩa gốc.

VI. Từ đồng nghĩa:

Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

Ví dụ:

+ Gan dạ - Dũng cảm ; Kiên cường - Anh dũng Má - Mẹ ; Nhà thơ - Thi sĩ - Thi nhân...(đồng nghĩa hoàn toàn).

+ Chết - Hi sinh ; Từ trần - Tạ thế - Toi mạng...(đồng nghĩa không hoàn toàn)

+ Phi – phóng - lao - chạy; phát triển - bành trướng - mở rộng.... (khác về phạm vi sử dụng).

VII. Từ trái nghĩa:

Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau xét trên một cơ sở chung nào đó.

Ví dụ: Xấu- đẹp, hiền- dữ, ác- lành, lành-rách.v.v.

VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ:

-Từ ngữ có nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

-Từ ngữ có nghĩa rộng là từ ngữ mà phạm vi nghĩa của nó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

-Từ ngữ có nghĩa hẹp là từ ngữ mà phạm vi nghĩa của nó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

Ví dụ: Thực vật > cỏ > cỏ gà, cỏ tranh.

V. Trường từ vựng:

- Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ có nét chung về nghĩa.

- Trường từ vựng bao giờ cũng được đặt trong một phạm vi nhất định. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.

VD: Chân -> Bộ phận của chân.

-> Hoạt động của chân.

-> Đặc điểm của chân

B. Luyện tập: (SGK 122,123,124,125,126)

VĂN BẢN

ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

I. Đọc - hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Chính Hữu tên khai sinh Trần Đình Đắc (1926-2007), quê Hà Tĩnh.
- Làm thơ từ năm 1947. Đề tài chủ yếu viết về người lính và chiến tranh của ông. trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: Bài thơ ra đời năm 1948 trích trong tập thơ “Đầu súng trăng treo”
- Thể thơ: tự do
- Bố cục: 3 phần
- Đại ý: Ca ngợi tình đồng chí gắn bó keo sơn của những người lính trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

II. Đọc- hiểu văn bản:

1. Cơ sở của tình đồng chí: (7 câu đầu)

- **Hoàn cảnh xuất thân:**
 - + **Quê anh** : nước mặn đồng chua (nhiễm mặn ven biển, vùng đất phèn, có độ chua cao)
 - + **Làng tôi** : đất cày sỏi đá (vùng trung du, miền núi đất bạc màu, khô cằn)

-> **Thành ngữ ,hình thức sóng đôi.**

=> **Họ đều là những người nông dân nghèo, chung cảnh ngộ, hoàn cảnh xuất thân.**

- **Tình đồng chí nảy nở:**

- + Súng bên súng, đầu sát bên đầu -> **Điệp ngữ**
- + Đêm rét chung chăn-> Đôi người xa lạ-> đôi tri kỉ

=> **Họ chung mục đích, cùng lí tưởng, chung chiến hào, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn cùng chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ Quốc.**

+ Đồng chí !

-> Dòng thơ đặc biệt, dấu chấm cảm

=> Khẳng định cội nguồn và sự hình thành tình đồng chí keo sơn của những người lính, nó là bản lề của bài thơ(nâng cao ý thơ của đoạn trước và mở ra ý thơ của đoạn sau)

2. Những biểu hiện của tình đồng chí trong chiến đấu:(10 câu tiếp theo)

- Cảm thông, chia sẻ những tâm tư tình cảm:

+ Ruộng nương gửi bạn...

+ Gian nhà không mắc kê lung lay

+ Giếng nước gốc đá nhớ người ra lính

-> **Giọng thơ rắn rỏi, dứt khoát, nhân hóa**

=> **Sự hi sinh lớn lao của người lính vì non sông đất nước.**

- Chia sẻ những thiếu thốn, khó khăn, gian khổ:

+ Anh với tôi: biết từng cơn ớn lạnh, sốt run người, trán ướt mồ hôi

+ Áo anh: rách vai

Quần tôi: vài mảnh vá

+... buốt giá

+ Chân không giày

-> **Hình ảnh thực mộc mạc, liệt kê.**

=> **Họ sẵn sàng chia sẻ những khó khăn, bất chấp mọi gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính.**

+ Miệng cười

+ Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

-> **Thái độ lạc quan, đoàn kết, yêu thương.**

=> **Tình đồng chí gắn bó keo sơn, sâu nặng, thấm thiết. Đây là sức mạnh của tình đồng chí.**

3. Biểu tượng của tình đồng chí: (3 câu cuối)

+ Đêm...rừng hoang sương

+ Đứng cạnh nhau...chờ giặc tới.

+ Đầu súng trăng treo.

-> Hình ảnh thực, lãng mạn và thơ mộng, hình ảnh đẹp gợi gọi liên tưởng phong phú

= > Ba hình ảnh gắn kết với nhau rất đẹp là người lính, khẩu súng và vầng trăng.Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình hoà quện, giữa chiến tranh vẫn hiện lên cái thanh bình yên ả của thiên nhiên.

=> Bức tranh đẹp về tình đồng chí.

II. Ghi nhớ: (SGK / 131)

III.Luyện tập: (SGK /131)

PHIẾU HỌC TẬP

Hoạt động 1: HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN

ĐÔNG CHÍ

(Chính Hữu)

1. Em hãy trình bày những cơ sở hình thành tình đồng chí.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy nêu những biểu hiện của tình đồng chí.?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

1. Giải thích nghĩa của những từ sau:.

-
- This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

=====

- [illegible]